

Đề bảo đảm chi tiêu cho các chế độ bảo hiểm xã hội do Bộ Lao động — Thương binh và xã hội quản lý;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động — Thương binh và xã hội,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** — Nay nâng tỷ lệ trích nộp kinh phí bảo hiểm xã hội do các cơ quan, đoàn thể, các xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường... nộp hàng tháng vào quỹ bảo hiểm xã hội do Bộ Lao động — Thương binh và xã hội quản lý từ 1% lên 10% so với tổng quỹ tiền lương của công nhân viên chức.

**Điều 2.** — Quyết định này thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 1988. Mọi quy định trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
Quyền Chủ tịch  
**VÔ VĂN KIẾT**

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 36-CT ngày 30-1-1988 về việc thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu hàng mậu dịch.

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu hàng mậu dịch ngày 29 tháng 12 năm 1987,

### QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Trong khi Ngân hàng Nhà nước chưa công bố tỷ giá chính thức của đồng Việt Nam so với đồng tiền các nước, việc tính thuế xuất nhập khẩu tạm thời áp dụng tỷ giá kết toán nội bộ là:

— 150 đồng Việt Nam bằng một Rúp chuyên nhượng.

— 225 đồng Việt Nam bằng một Đô-la Mỹ.

**2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 1988. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

**VÔ VĂN KIẾT**

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 48-CT ngày 26-2-1988 về việc cho phép công dân Việt Nam xuất cảnh có thời hạn đề giải quyết việc riêng.

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Đề đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân ta về việc xin xuất cảnh có thời hạn đề giải quyết việc riêng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,



## QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Những công dân Việt Nam thuộc diện nói ở điều này được xét cho xuất cảnh có thời hạn để giải quyết việc riêng :

1. Đi thăm thân nhân là vợ (chồng), con bố, mẹ. Trường hợp cá biệt có thể được xét đi thăm thân nhân là anh, chị, em ruột.

2. Đi chữa bệnh, nếu được bệnh viện cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chứng nhận là điều kiện điều trị ở trong nước có nhiều khó khăn và có thân nhân ở nước ngoài bảo lãnh.

3. Đi nhận di sản thừa kế, nếu có thông báo của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc cơ quan đại diện ngoại giao hay cơ quan lãnh sự của nước ta ở nước ngoài.

4. Ra nước ngoài để giải quyết vấn đề hôn nhân với người nước ngoài hoặc với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, nếu có giấy tờ chứng minh là cần thiết và hợp pháp.

5. Đi học ở nước ngoài theo con đường tự lựa chọn về những ngành, nghề trong nước đang cần để tiếp thu kỹ thuật mới, ngành nghề mới nếu người xin đi học có năng khiếu học giỏi, hạnh kiểm tốt, học xong sẽ trở về phục vụ Tổ quốc, có thân nhân ở nước ngoài bảo lãnh có thái độ chính trị tốt.

6. Đi đưa người thân xuất cảnh hoặc đón người thân nhập cảnh là người già yếu hoặc trẻ em không có khả năng tự đi, về được.

7. Đưa hài cốt của người thân ở nước ngoài hồi hương.

8. Đi du lịch ở nước ngoài do cơ quan du lịch Việt Nam tổ chức.

9. Đi giải quyết các việc riêng khác sẽ được xem xét giải quyết một số trường hợp cụ thể.

Điều 2. — Những trường hợp sau đây không được xuất cảnh để giải quyết việc riêng :

1. Những người đang phải chấp hành các quyết định của bản án hình sự và dân sự, các quyết định về xử phạt hành chính và những người đang bị truy cứu trách nhiệm về hình sự, dân sự, hành chính.

2. Những người xin đi thăm thân nhân mà thân nhân đó đang có hành động chống phá cách mạng Việt Nam, phá hoại hòa bình hoặc chống lại các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

3. Những người đã vi phạm pháp luật trong lần xuất cảnh trước, bị cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xử lý từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không được xuất cảnh để giải quyết việc riêng trong thời gian 3 năm hoặc đến 5 năm sau khi thi hành xong quyết định xử lý.

4. Những trường hợp khác vì lý do bảo đảm an ninh quốc gia.

Điều 3. — Thời hạn ra nước ngoài để giải quyết việc riêng (trừ trường hợp du học và chữa bệnh) không quá 3 tháng. Trường hợp đặc biệt sẽ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài xem xét, gia hạn.

Điều 4. — Những người ra nước ngoài theo Quyết định này phải tự túc mọi chi phí.

Điều 5. — Căn cứ các quy định tại điều 1, 2, 3 trên đây, Bộ Nội vụ có trách nhiệm xem xét giải quyết các thủ tục cần thiết.

Riêng những người là cán bộ, công nhân viên trong biên chế Nhà nước xin xuất cảnh về việc riêng còn phải được thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ đó đồng ý cho nghỉ công tác một thời gian; nếu xin đi thăm thân nhân là lưu học sinh, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, người lao động ở nước ngoài thì những người thân đó phải có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu, học tập, lao động, được bạn mời hay đồng



ý và Đại sứ quán ta ở nước đó xác nhận, đề nghị. Trường hợp người thân đó bị tai nạn, bị bệnh hiểm nghèo cần có người thân săn sóc, động viên về tình cảm cũng được xem xét giải quyết cho đi thăm nhưng phải có xác nhận của hai cơ quan trên.

**Điều 6.** — Những người xuất cảnh về việc riêng phải trở về nước đúng thời hạn quy định. Trường hợp vi phạm sẽ tùy theo tính chất, mức độ, có thể bị xử lý bằng các hình thức cảnh cáo, phạt tiền hoặc xử lý theo Bộ Luật hình sự của Việt Nam.

**Điều 7.** — Quyết định này bổ sung Quyết định số 193-CT ngày 10-6-1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và có hiệu lực từ ngày ban hành. Bãi bỏ các quy định khác trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 8.** — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Bộ Nội vụ ra thông tư hướng dẫn cụ thể việc thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
Phó Chủ tịch  
**VÔ VĂN KIẾT**

**THÔNG TƯ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 61-CT ngày 10-3-1988 hướng dẫn về việc sử dụng xe ô-tô con theo Quyết định số 140-HĐBT ngày 15-9-1987 của Hội đồng Bộ trưởng về triệt đề tiết kiệm.**

Qua một thời gian thi hành các chế độ tiết kiệm theo Quyết định số 140-HĐBT

ngày 15-9-1987 của Hội đồng Bộ trưởng về triệt đề tiết kiệm, các ngành, các cấp đã có những quy định cụ thể sát với hoàn cảnh của mình, được nhân dân hoan nghênh.

Để tiếp tục thực hiện chủ trương về sử dụng xe ô-tô con cho có hiệu quả và sát với thực tế hơn, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn cụ thể một số điểm như sau:

1. Ô-tô con là một phương tiện phục vụ cho nhu cầu công tác. Tiêu chuẩn chủ yếu để mỗi cơ quan xem xét, bố trí ô-tô con cho cán bộ là trách nhiệm được giao, nhu cầu đi lại để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Vì vậy không máy móc phân biệt người được sử dụng theo mức lương hoặc chức vụ, gây trở ngại trong công tác của những cán bộ cần phải sử dụng xe như bác sĩ đi cấp cứu, phóng viên báo chí đi lấy tin tức, v.v...

2. Những cán bộ được thường xuyên sử dụng riêng một xe ô-tô con để phục vụ công tác là các đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Tổng cục trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương. Đối với các cán bộ lãnh đạo khác của các Bộ, Ủy ban, Tổng cục, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu, hoặc thủ trưởng các đơn vị sản xuất, kinh doanh (Liên hiệp xí nghiệp, Tổng công ty, v.v...) cần tổ chức đề 2, 3 đồng chí cùng đi một xe con.

Các Bộ, Ủy ban, Tổng cục và Ủy ban Nhân dân địa phương cần bố trí một số xe con thường trực để khi có việc cần thiết các đồng chí lãnh đạo có trọng trách trong ngành hoặc địa phương có xe ô-tô đi giải quyết công việc, bảo đảm kịp thời sự chỉ đạo công tác của ngành hoặc địa phương.

Tùy điều kiện cụ thể, cơ quan cần tổ chức xe chung đưa, đón cán bộ đi làm việc hàng ngày cho hợp lý và tiết kiệm.